

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2023/HNGĐ- ST**

Ngày : 29-8-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 122/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 2, xã Gi, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh **Bùi Đức D**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Lộc B, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 08/5/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Bùi Đức D chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại xã Lộc B1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 10/10/2013. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc bình thường. Đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do chị H cho rằng anh D thay đổi, kết bạn giang hồ, chơi bời bài bạc, đề đóm dẫn đến nợ nần, thường gây gổ đánh đập vợ con, chị H có khuyên bảo nhưng không được, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung để tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Sau đó anh D đã bỏ đi không liên lạc với gia đình, bỏ bê, không chăm sóc vợ con,

không chu cấp nuôi con. Mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân, chị H yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Bùi Đức D có hai con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014 và Bùi Nguyễn Linh Đ1, sinh ngày 10/01/2020. Nay các con đang chung sống với chị H, chị bảo đảm được việc chăm sóc nuôi dưỡng con, con phát triển bình thường. Nay ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/cháu/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị H và anh Bùi Đức D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/7/2023, các lời khai khác tại Tòa án, bị đơn anh Bùi Đức D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc B1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 10/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tỉnh Bình Dương được khoảng 06 năm (2014-2020), chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kinh tế, tình cảm nên dẫn đến ly thân đến nay. Anh D cũng đã níu kéo tình cảm, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế nhưng không được. Nay chị H kiên quyết ly hôn anh D cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh D và chị H có 02 con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014 và Bùi Nguyễn Linh Đ1, sinh ngày 10/01/2020. Hiện nay hai con chung đang ở với chị H. Nay ly hôn, anh D có nguyện vọng nuôi 01 con chung là Bùi Nguyễn Linh Đ1 và đồng ý giao con chung là Bùi Nguyễn Bảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh D và chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống anh D và chị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/8/2023. Chị H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp về chứng cứ, yêu cầu Tòa án không hòa giải, anh D có mặt nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh D trình bày bổ sung về mâu thuẫn vợ chồng là do làm ăn kinh tế bị thất bại nên có nợ nần, anh không đánh đập chị H. Về con chung anh D yêu cầu được nuôi con là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, đồng ý giao con là Bùi Nguyễn Linh Đ1, sinh ngày 20/01/2020 cho chị H trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, anh D cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các lời trình bày khác giữ nguyên như cũ.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H: Xử cho chị H và anh D được ly hôn, về con chung cần giao hai con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/20214 và Bùi Nguyễn Linh Đ1, sinh ngày 20/01/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết, về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đức D chung sống tự nguyện từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới, được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc B1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 10/10/2013. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh D sinh sống tại Bình Dương được khoảng 06 năm, cuộc sống hạnh phúc, cùng nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế. Khoảng năm 2019-2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, tình cảm, nuôi dạy con cái. Việc phát sinh mâu thuẫn đều được chị H và anh D thừa nhận, đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng chị H vắng mặt, có đơn yêu cầu không hòa giải, anh D có mặt nên hòa giải đoàn tụ không thành. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ly thân đã lâu không hàn gắn được, cả chị H và anh D đều yêu cầu giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 5, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh D được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị H và anh D, các bản sao giấy khai sinh của con do chị H nộp tại Tòa án thì quá trình chung sống cả hai có hai con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014 và Bùi Nguyễn Linh Đ1, sinh ngày 10/01/2020. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay các con đang chung

sống với mẹ là chị H tại xã Gi, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, anh D cũng thừa nhận các con chung đang ở với mẹ và chưa về thăm con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ủy thác xác minh thì được biết hiện nay các con chung đều phát triển bình thường, học tập tốt, chị H có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cho chung. Đối với cháu Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014 có nguyện vọng được ở với mẹ Hằng. Nay ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cả hai con chung, anh D yêu cầu được nuôi con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014. Xét hiện nay 02 con là nữ đang sinh sống ổn định với chị H, con phát triển, học tập bình thường, cháu Như có nguyện vọng với mẹ. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, cần căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014 và Bùi Nguyễn Linh Đ1, sinh ngày 10/01/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét nhu cầu nuôi con, ăn học của các con còn nhỏ, tình hình thực tế địa phương nơi cư trú, thu nhập hiện tại của anh D, xét thấy mức cấp dưỡng cho các con là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp. Vì vậy cần căn cứ vào các điều 107, 110, 116 và 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H, anh D thống nhất trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị H, anh D thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*ly hôn*), buộc anh Bùi Đức D phải chịu 300.00 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*cấp dưỡng*) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Bùi Đức D về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đức D được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Bùi Đức D phải giao hai con chung là là Bùi Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/6/2014 và Bùi Nguyễn Linh Đ1, sinh ngày 10/01/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đức D phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012853 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Buộc anh Bùi Đức D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc B1, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

